TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 19 – 4 – 2023.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thúy H, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà Trương Thúy H và ông Nguyễn Thái T (sau đây gọi tắt là bà H, ông T) đăng ký kết tại UBND xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng,

tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/01/2020. Trong thời gian chung sống bà H và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông T không quan tâm và chăm lo cho gia đình. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Thái Hào, sinh ngày 31/5/2017 và Nguyễn Thế Hạo, sinh ngày 16/11/2019, hiện ông T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không có tài sản và nợ chung.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thái T được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của ông T (bản chính); Giấy chứng nhận đăng kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Thái Hạo và Nguyễn Thái Hào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thái T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về tài sản và con chung. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H với ông T là hợp pháp. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích động viên hàn gắn nhưng bà H kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H với ông T không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung tên chung tên Nguyễn Thái Hào, sinh ngày 31/5/2017 và Nguyễn Thế Hạo, sinh ngày 16/11/2019. Theo bà H trình bày từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông T là người trực tiếp nuôi 02

con chung, hiện các con đang sống ổn định với ông T nên bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Hòa không cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, hiện các con của bà H và ông T đang sống ổn định với ông T, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung của bà H và ông T cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản và nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về vấn đề tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003396 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Thái T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên tên Nguyễn Thái Hào, sinh ngày 31/5/2017 và Nguyễn Thế Hạo, sinh ngày 16/11/2019 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003396 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".